

KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ CHỦ ĐỀ 3: CÁC CÔ CÁC BÁC TRONG TRƯỜNG MẦM NON

(Thực hiện từ ngày 03/11/2025 đến ngày 28/11/2025)

I. Mục tiêu

TT	Độ tuổi	Mục tiêu giáo dục	Nội dung Giáo dục		Hoạt động GD
			Chung	Riêng	
1	18-24	Bắt chước một số động tác theo cô: giờ cao tay - đưa về phía trước - sang ngang.		- Hô hấp: Tồi bong bóng - Tay: Giờ cao, đưa ra phía trước. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước - Chân: dang sang 2 bên	* Thể dục sáng: Nhạc bài hát: - Mẹ yêu không nào - Cô và mẹ. Hô hấp: Gà gáy, thổi bong bóng. - Tay: Giờ cao, đưa ra phía trước (18-24 tháng). - Giờ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang. (24-36 tháng). - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước (18-24 tháng). - Nghiêng người sang 2 bên (24 - 36 tháng). - Chân: dang sang 2 bên (18-24 tháng). - Ngồi xuống, đứng lên.(24-36 tháng)
	24-36	Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.		- Hô hấp: Tập hít vào thở ra - Tay: Giờ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang. - Lưng, bụng, lườn: nghiêng người sang 2 bên - Chân: ngồi xuống, đứng lên.	
	18-24	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng	- Đi trong đường hẹp		*Hoạt động chơi- tập có chủ định: vận động. - Đi trong đường hẹp (12- 36 tháng)

2					TCVĐ: Bóng tròn to
	18-24	Trẻ biết giữ thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn)			
	24-36	Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.			
3	18-24	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt:	- Tung bóng qua dây		*Hoạt động chơi- tập có chủ định: vận động. - Tung bóng qua dây (18-36 tháng) TCVĐ: gieo hạt TCM: Tập tầm vòng. Cho e ăn Bé chọn màu nào. Chở hàng.
	24-36	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung			
4	18-24	Thực hiện các vận động có sự phối hợp: biết lăn, bắt bóng với cô.	Bò chui qua cổng		*Hoạt động chơi- tập có chủ định: vận động. - Bò chui qua cổng - Bò về phía trước TCVĐ: Lộn cầu vòng.
		Phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua			

		vật cản.			
	24-36	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.			
6	18-24	Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.		- Trẻ làm được việc như: - Nhón nhặt đồ vật - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	* Dạy lồng ghép các hoạt động thể dục buổi sáng HĐVĐV: + Tạo hình cánh hoa từ đất nặn + Xếp chồng tháp từ các khối + Di màu cái bát Chọn đồ dùng để ăn, để uống
	24-36	Trẻ vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện		- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, - Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Lật mở trang sách	

7	18-24	Trẻ tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối trụ.		Xếp chồng 4-5 khối	- Dạy lồng ghép vào các hoạt động trong ngày. * Hoạt động chơi - tập có chủ định. - Hoạt động với đồ vật: + Tạo hình cánh hoa từ đất nặn.(steam) + Chọn đồ dùng để ăn, để uống. + Xếp chồng tháp từ các khối. - Hoạt động chơi ở các khu vực chơi. - Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp gạch làm nhà bếp. + Xếp nhà ăn. + Xếp gạch làm luống trồng rau. + Xếp chồng tháp.. - Hoạt động chơi tập buổi chiều: + Kỹ năng sống: Buộc dây giày. + Hoạt động với đồ vật: Xâu vòng. - Trò chơi mới: + Chờ hàng
	24-36	Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.		- Tập rót, nhào, buộc dây. - Chắp ghép hình, - Tập cầm bút tô, vẽ. Xếp chồng 6-8 khối	
<i>Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.</i>					
9					- Hoạt động đón trẻ: + Cho trẻ xem tranh ảnh về một

	18-24	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.			số món ăn ở trường mầm non và trò chuyện với trẻ về ích lợi của những món ăn đó. Hoạt động ăn
	24-36	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau		- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống. Tên gọi một số thức ăn quen thuộc. + Ăn cơm, thịt, đậu rau, trứng... + Không làm cơm dơ vãi, không nói chuyện khi ăn. + Biết mời cô và bạn ăn cơm	trưa: Cô giới thiệu tên món ăn, nhắc nhở trẻ, hướng dẫn trẻ cách cầm thìa cầm bát để xúc cơm, cô động viên trẻ ăn hết xuất không để cơm rơi.
10	18-24	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		- Làm quen chế độ ngủ một giấc.	Hoạt động ngủ trưa cho trẻ nghe bài hát ru “ Cò lả, ru em, ru con” để trẻ ngủ
	24-36	Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa		- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa	
12	18-24	Trẻ làm được một số việc		Tập ngồi vào bàn ăn.	- Vệ sinh cá nhân trước, sau giờ ăn,

		với sự giúp đỡ của người lớn(Ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc nước uống nước.)		Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. Làm quen với rửa tay lau mặt	trước khi trả trẻ. - Hoạt động chơi ở các khu vực chơi. - Trò chuyện trong hoạt động mọi lúc mọi nơi
	24-36	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)		- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín. Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt - <i>Tập tự phục vụ:</i> + <i>Cách cầm thìa, cầm cốc uống nước.</i> + <i>Xúc cơm (không để cơm rơi),</i>	- Hoạt động ăn hướng dẫn trẻ kỹ năng cầm thìa, - Hoạt động trong ngày hướng dẫn trẻ các cầm cốc, kỹ năng rửa tay .

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

16	24-36	Trẻ sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.		- Trẻ sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định. Âm nhạc: + Hát: Đi ngủ + Trò chơi âm nhạc: Đoán tên bạn hát. + Nghe hát: Em yêu cô giáo. + Hát: Mẹ yêu không nào. + Hát: Tập tầm vông
----	-------	--	--	--	---

					+ Nghe hát: Cô và mẹ. + Dạy hát: Cô và mẹ +Trò chơi âm nhạc: Nhỏ và to. - Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây ổi (lá); Trải nghiệm: Phơi khăn; Cây ổi(quả); DCNT); Cây ổi (tt). + Cây kinh giới (lá); Trải nghiệm: Nhặt rau; Cây kinh giới (tt), DCNT; Cây găng (tt) + Cây tía tô (lá); Pha màu nước; Cây tía tô (tt); DCNT; cây mùi tàu (tt). + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm: Tưới nước, nhổ cỏ cho cây; Cây rau cải (tt); DCNT; Cây húng quế (tt). * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hột hạt, túi cát, cành cây, đĩa hoa (giấy), màu nước, bút lông, khay pha màu, tạp giề, giấy a4, đất nặn, gậy thể dục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu...
--	--	--	--	--	---

					* Trải nghiệm: Nhặt rau. * Trò chơi mới: + Tập tầm vông + Cho em ăn. + Bé chọn màu nào. + Chờ hàng. - Hoạt động chơi ở các khu vực chơi: + Góc học tập: Trò chuyện về các cô các bác trong trường mầm non + Trẻ xem tranh ảnh gọi tên chú bảo vệ, cô nuôi dưỡng. + Trẻ nói được tên một số món ăn quen thuộc trong trường mầm non. + Góc nghệ thuật: Hát, vận động theo nhạc các bài hát trong chủ đề nhánh
18	18-24	Trẻ chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của số người thân gần gũi trong nhóm/ lớp (cô giáo, các bạn...)		Các hoạt động trong ngày. - Hoạt động chơi -tập có chủ định + Nhận biết: Cô giáo.
	24-36	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.		Một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	

23	24-36	Trẻ chỉ / nói tên hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi có dạng hình tròn, hình vuông theo yêu cầu		- Hình tròn, hình vuông.	* Hoạt động chơi- tập có chủ định: Nhận biết hình tròn, hình vuông
27	18-24	Trẻ nhắc lại được tiếng việt tên bản thân, bạn trai, bạn gái, cây, hoa , màu sắc xanh, đỏ hướng dẫn, gợi ý của cô.	Làm quen với ngôn ngữ tiếng việt: Trẻ nói được tên bản thân, tên bạn, một số bộ phận trên cơ thể, cây hoa, lá màu sắc xanh, đỏ...		- Hoạt động chơi -tập có chủ định + Nhận biết: Nhận biết cô giáo Tiếng việt: Cô giáo, dạy học. + Nhận biết: Nhận biết hình tròn, hình vuông. + Nhận biết: Nhận biết món canh rau cải. + Nhận biết: Nhận biết cái bát, cái thìa.
	24-36	Trẻ nhận biết và nhắc lại được bằng tiếng việt tên bản thân, bạn trai, bạn gái, cây, hoa , màu sắc, xanh, đỏ, hướng dẫn, gợi ý của cô..			- Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây ôi (lá); Trải nghiệm: Phơi khăn; Cây ôi(quả); DCNT); Cây ôi (tt). + Cây kinh giới (lá); Trải nghiệm: Nhặt rau; Cây kinh giới (tt), DCNT; Cây gừng (tt) + Cây tía tô (lá); Pha màu nước; Cây tía tô (tt); DCNT; cây mùi tàu (tt). + Cây rau cải (lá);

					Trải nghiệm: Tưới nước, nhổ cỏ cho cây; Cây rau cải (tt); DCNT; Cây húng quế (tt).
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
a) Nghe hiểu lời nói					
28	18-24	Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây, đi rửa tay	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc - Nghe và thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động. Ví dụ: Đến đây với cô, Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay...	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	* Các hoạt động trong ngày. Hoạt động chơi ở các khu vực chơi, dạo chơi ngoài trời cho trẻ cất đồ chơi đúng nơi quy định. - Hoạt động ăn, ngủ, trả trẻ: Trẻ lấy khăn lau mặt, lau miệng, Biết chào cô, chào bạn, chào bố, mẹ..., biết chăm sóc cây, nhổ cỏ cùng cô...
	24-36	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.			
29	18-24	Hiểu được từ “Không”; dùng hành động khi nghe “ Không” được lấy “ Không được sờ”		Trẻ biết từ (không) khi cô giáo không cho phép trẻ “ Không” được lấy “ Không được sờ	* Các hoạt động trong ngày. - Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây ổi (lá); Trải nghiệm: Phơi khăn; Cây ổi(quả); DCNT); Cây ổi (tt). + Cây kinh giới (lá); Trải nghiệm: Nhặt rau; Cây kinh giới (tt),
	24-36	Trẻ trả lời các câu hỏi : “Ai		- Trẻ nghe và trả lời các câu	

		đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?”		hỏi: Cái gì?“ Làm gì”, “Để làm gì”;... “Ở đâu”; Như thế nào?	DCNT; Cây găng (tt) + Cây tía tô (lá); Pha màu nước; Cây tía tô (tt); DCNT; cây mùi tàu (tt). + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm: Tưới nước, nhổ cỏ cho cây; Cây rau cải (tt); DCNT; Cây húng quế (tt). * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hạt, túi cát, cành cây, đĩa hoa (giấy), màu nước, bút lông, khay pha màu, tạp giẻ, giấy a4, đất nặn, gậy thẻ đục, vòng, bảng con, sáp màu,...
30	18-24	Trả lời được câu hỏi đơn giản: “ Ai đây?” “ Cái gì đây?”	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: + Truyện: - Kể chuyện theo tranh (Cô nuôi dưỡng). Tiếng việt: Nấu cơm, đun nước. + Truyện: - Thỏ con ăn gì (steam) Tiếng việt: Củ cải, cảm ơn.
	24-36	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản.		- Trả lời và đặt câu hỏi: Ai đây?; cái gì?cây gì..., ở đâu?,	
b) Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu					

31	18-24	Trẻ nhắc lại được các từ ngữ và câu ngắn:		- Gọi tên các đồ vật, bạn, đồ dùng, cây cối, hoa ... hành động gần gũi.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Kể chuyện theo tranh (Cô nuôi dưỡng). Tiếng việt: Nấu cơm, đun nước. + Truyện:
	24-36	Trẻ phát âm rõ tiếng			- Thỏ con ăn gì (EL9) Tiếng việt: Củ cải, cảm ơn. + Thơ: - Thơ: Cái bát - Thơ: Thơ: Giờ ăn (EL6) Tiếng việt: Gọn gàng, vội vàng. - Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây ổi (lá); Trái nghiệm: Phơi khăn; Cây ổi (quả); DCNT); Cây ổi (tt). + Cây kinh giới (lá); Trái nghiệm: Nhặt rau; Cây kinh giới (tt), DCNT; Cây gừng (tt) + Cây tía tô (lá); Pha màu nước; Cây tía tô (tt); DCNT; cây mùi tàu (tt). + Cây rau cải (lá); Trái nghiệm: Tưới nước, nhổ cỏ cho cây; Cây rau cải (tt); DCNT; Cây húng quế (tt). * Chơi tự chọn:

					+ Lá cây, bóng, phấn, hột hạt, túi cát, cành cây, đĩa hoa (giấy), màu nước, bút lông, khay pha màu, tạp giẻ, giấy a4, đất nặn, gậy thẻ đục, vòng, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu...
32	18-24	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ, khi nghe các bài thơ quen thuộc.	Nghe các bài thơ, đồng dao, câu đố, bài hát và truyện ngắn (truyện kể đơn giản theo tranh Đọc theo đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng.	Lồng ghép vào hoạt động có chủ định. - Hoạt động chơi - tập có chủ định: - Kể chuyện theo tranh (Cô nuôi dưỡng). Tiếng việt: Nấu cơm, đun nước. + Truyện: - Thỏ con ăn gì (steam) Tiếng việt: Củ cải, cảm ơn. + Thơ: - Thơ: Cái bát - Thơ: Thơ: Giờ ăn (EL6) Tiếng việt: Gọn gàng, vội vàng. + Âm nhạc: Hát: Đi ngủ + Mẹ yêu không nào. + Tập tầm vông. + Cô và mẹ.
	24-36	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.			
c) Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp					

33	18-24	Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm.		- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	- Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. - Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây ổi (lá); Trải nghiệm: Phơi khăn; Cây ổi(quả); DCNT); Cây ổi (tt). + Cây kinh giới (lá); Trải nghiệm: Nhặt rau; Cây kinh giới (tt), DCNT; Cây gừng (tt) + Cây tía tô (lá); Pha màu nước; Cây tía tô (tt); DCNT; cây mùi tàu (tt). + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm: Tưới nước, nhổ cỏ cho cây; Cây rau cải (tt); DCNT; Cây húng quế (tt). * Chơi tự chọn: + Lá cây, bóng, phấn, hạt gạo, túi cát, cành cây, đĩa hoa (giấy), màu nước, bút lông, khay pha màu, tạp giề, giấy a4, đất nặn, gậy thể dục, bảng con, sáp màu, thú nhún, xích đu
	24-36	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.		- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	- Hoạt động chơi -tập có chủ định. + Nhận biết: Hình tròn, hình vuông.

					+ Nhận biết: Cô giáo. + Nhận biết: Nhận biết cái bát, cái thìa. + Nhận biết: Món canh rau cải(5e) - Hoạt động chơi ở các khu vực chơi.
34	18-24	Trẻ chủ động nói nhu cầu mong muốn của bản thân: (cháu uống nước, cháu muốn).	Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản như: (cháu uống nước, cháu muốn).	Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. - Hoạt động đón, ăn, ngủ, trả trẻ: Cô đón, bế trẻ vào lớp, nhắc trẻ chào ông, bà, bố mẹ, cô giáo... - Trẻ biết chào bố mẹ người thân đón, chào cô giáo, chào bạn khi ra về.
	24-36	Trẻ sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Biết chào hỏi, trò chuyện. + Biết bày tỏ nhu cầu của bản thân.		Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.	
35	24-36	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép		- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	- Hoạt động đón, trả trẻ: Nhắc trẻ chào ông, bà, bố mẹ, cô giáo...
36	18-24	Trẻ bước đầu làm quen với		Mở sách xem tranh	Hoạt động chơi các góc chơi.

		sách			Góc sách chuyên
	24-36	Trẻ nghe làm quen với sách		Lắng nghe khi người lớn đọc sách.	Cho trẻ mở sách xem nhân vật trong tranh.
37	18-24	<i>Hình thành và phát triển khả năng nghe, nói tiếng việt có sự hướng dẫn của cô giáo.</i>		<i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 2-3 tiếng tiếng việt chỉ đặc điểm của cây cối, đồ dùng, đồ chơi.</i>	- Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. - Hoạt động chơi -tập có chủ định. + Nhận biết: Hình tròn, hình vuông. + Nhận biết: Cô giáo + Nhận biết: Canh rau cải. + Nhận biết: Cái bát, cái thìa. - Hoạt động dạo chơi ngoài trời: + Cây ổi (lá); Trải nghiệm: Phơi khăn; Cây ổi (quả); DCNT); Cây ổi (tt). + Cây kinh giới (lá); Trải nghiệm: Nhặt rau; Cây kinh giới (tt), DCNT; Cây gừng (tt) + Cây tía tô (lá); Pha màu nước; Cây tía tô (tt); DCNT; cây mùi tàu (tt). + Cây rau cải (lá); Trải nghiệm: Tưới nước, nhổ cỏ cho cây; Cây rau cải (tt); DCNT; Cây húng quế (tt).
	24-36	<i>Hình thành và phát triển khả năng nghe, nói tiếng việt có sự hướng dẫn của cô giáo.</i>		<i>Trẻ nghe và nói được các từ, câu đơn, câu có 5-7 tiếng tiếng việt chỉ đặc điểm của cây cối, đồ dùng, đồ chơi.</i>	
4. Lĩnh vực phát triển TC& KNXH và TM					

40	18-24	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.		-Giao tiếp với cô và bạn.	Trẻ giao tiếp trong các hoạt động trong ngày biết thể hiện sự quan tâm - Hoạt động chơi ở các khu vực chơi:
	24-36	Trẻ biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.		- Giao tiếp với những người xung quanh. <i>Kiểm soát bản thân</i> - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. <i>+Thể hiện sự quan tâm (Đồng cảm với người khác)</i> <i>+ Bạn khóc biết ôm, xoa đầu.</i> <i>+ Bạn đau, khóc, ngã biết gọi người lớn..</i> <i>+ Trẻ biết xin khi được người khác cho quà</i>	- Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp gạch làm nhà bếp. + Xếp nhà ăn. + Xếp gạch làm luống trồng rau. + Xếp chồng tháp.. - Góc thao tác vai: + Cô giáo, bán hàng. + Cô giáo, nấu cho em ăn. + Cô nuôi dưỡng, bác sĩ. + Cô y tá, mẹ con. - Góc vận động: + Chơi với bóng (thả bóng xoay vòng tháp). + Bóng, gậy, vòng + Góc nghệ thuật: Hát, vận động theo nhạc các bài hát trong chủ đề. - Góc học tập: Cô nuôi dưỡng (KCTT), Thỏ con ăn gì. Trò chuyện về các cô các bác trong trường mầm non - Trẻ nói được tên

					một số món ăn quen thuộc trong trường mầm non.
41	18-24	Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.		Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	- Các hoạt động trong ngày. - Hoạt động đón trả trẻ cô cho trẻ xem hình ảnh thể hiện hành vi cảm xúc, vui, buồn. - Trẻ vui mừng phần khởi nhảy múa khi được khen. Khi bị chê nét mặt buồn ủ rũ, khóc
	24-36	Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.		- (<i>Đặt tên cảm xúc</i>) - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn,	
42	24-36	Trẻ biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.		- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Các hoạt động trong ngày. - Hoạt động đón trả trẻ cô cho trẻ xem hình ảnh thể hiện hành vi cảm xúc. vui, buồn.
43	18-24	Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích	- Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi.		
	24-36	Trẻ biểu lộ sự thân thiện			
45	18-24	Trẻ bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế Búp bê. cho búp bê ăn nghe điện thoại...)	Thực hiện một số hành vi văn hóa đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé,		- Hoạt động chơi ở các khu vực chơi: - Góc hoạt động với đồ vật: + Xếp gạch làm nhà bếp. + Xếp nhà ăn. + Xếp gạch làm luống trồng rau.
	24-36	Trẻ biết thể hiện một số			

		hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	nghe điện thoại...).chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).		+ Xếp chồng tháp.. - Góc thao tác vai: + Cô giáo, bán hàng. + Cô giáo, nấu cho em ăn. + Cô nuôi dưỡng, bác sĩ.
46	24-36	Biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.		- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	+ Cô y tá, mẹ con. - Góc vận động: + Chơi với bóng (thả bóng xoay vòng tháp). + Bóng, gậy, vòng + Góc nghệ thuật: Hát, vận động theo nhạc các bài hát trong chủ đề. - Góc học tập: Cô nuôi dưỡng (KCTT), Thỏ con ăn gì. Trò chuyện về các cô các bác trong trường mầm non - Trẻ nói được tên một số món ăn quen thuộc trong trường mầm non. - Trò chơi mới: Chở hàng - TCVD: Lăn bóng, gieo hạt, lộn cầu vòng, trời nắng trời mưa, kéo cửa lùa xẻ, nhảy lò cò, chim bay cò bay, trời nắng trời mưa, đuổi theo bóng, bò con, con muỗi,

					thỏ nhảy múa, ếch ộp, ném vòng, lăn bóng, bóng tròn, đồng hồ kêu, oản tù tì... - Chơi tự chọn: + Lá cây, cành cây, bóng, phấn, hột hạt, chơi đồ chơi ngoài trời, đất nặn, màu nước, khay pha màu, bút lông, tạp giề, giấy a4, xích đu - Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản của cô trong các hoạt động trong ngày.
47	18-24	Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- <i>Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.</i>	- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.	Trẻ thực hiện yêu cầu đơn giản của cô trong các hoạt động trong ngày - Hoạt động đón trẻ, trả trẻ, giờ ăn, giờ ngủ... và một số hoạt động trong ngày - Nhắc trẻ chào bố mẹ, ông bà, cô giáo,....
	24-36	Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn.		- Thực hiện được yêu cầu đơn giản của giáo viên	
49	18-24	Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay).	- Nghe hát, nghe nhạc (với các giai điệu khác nhau), nghe âm thanh của các nhạc		- Hoạt động chơi - tập có chủ đích: Âm nhạc: + Hát: Đi ngủ TCAN: Đoán tên bạn hát. + Nghe hát: Em yêu cô giáo. Hát: Mẹ yêu
	24-36	Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một			

		vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc		không nào. + Hát: Tập tầm vông Nghe hát: Cô và mẹ. + Dạy hát: Cô và mẹ Trò chơi âm nhạc: Nhỏ và to. - Hoạt động chơi tập ở các khu vực chơi: - Góc nghệ thuật: hát các bài hát trong chủ đề. Lồng ghép trong hoạt động chơi tập có chủ định.
50	18- 24	Trẻ thích vẽ, xem tranh.	<i>- Bảo vệ giữ gìn những đồ dùng, sản phẩm của mình và bạn khác</i>	- Tập cầm bút vẽ.	- Hoạt động chơi - tập có chủ định. - Hoạt động với đồ vật: + Tạo hình cánh hoa từ đất nặn. + Chọn đồ dùng để ăn, để uống. + Di màu cái bát. + Xếp chồng tháp từ các khối.
	24- 36	Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ ngược ngoạc).		- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	
51	24- 36	Bước đầu tham gia bảo vệ môi trường.		- Trẻ nhặt bỏ rác đúng nơi quy định.	Trả trẻ: Cho trẻ xem tranh, ảnh, video về các bạn nhặt rác, bỏ rác vào thùng. Các hoạt động trong ngày, mọi lúc mọi nơi. Hoạt động trả trẻ, DCNT, cho trẻ nhặt rác bỏ rác đúng nơi quy

					định.
--	--	--	--	--	-------

II. Chuẩn bị:

- Máy tính, chiếu ngồi, loa
- Tranh ảnh, hình ảnh về chủ đề “ Bé và các bạn”.
- Vân Động: Sắc xô, đường hẹp, cổng chui, bóng, dây...
- Tranh minh họa nội dung bài thơ, truyện: Cô nuôi dưỡng, Cái bát, Giờ ăn, thỏ con ăn gì.
- HĐVDV: Bóng màu xanh, bóng màu đỏ, giấy A4, giấy các màu, đồ chơi có màu xanh đỏ...
- Âm nhạc: Nhạc bài hát: Em yêu cô giáo, mẹ yêu không nào, tập tầm vông, cô và mẹ, vui đến trường, bóng tròn, kéo cưa lừa xẻ, chim mẹ chim con, bóng tròn, Mũ chóp, dụng cụ âm nhạc, sắc xô...
- Nhận biết: Tranh cái bát, cái thìa, cô giáo...
- Đồ dùng đồ chơi cho các góc.
 - + Góc HĐVDV: Gạch, hàng rào, cây,
 - + Góc TTV: Rau, quả các loại, sáp màu, giấy màu, giấy A4,... dụng cụ chơi bác sĩ (ống nghe, nhiệt kế...)
 - + Góc nghệ thuật: Tranh vẽ bàn tay, bạn trai, bạn gái, sáp màu, nhạc các bài hát trong chủ đề...
- Đồ dùng đồ chơi dạo chơi ngoài trời: Giá khăn, giá dép, giá cốc, hoa thạch thảo, cây hoa lưu ly, cây hoa cánh bướm, cây chiều tím, cây hoa 10 giờ...
- Đồ dùng ăn: Bàn ghế, bát thìa đĩa đựng cơm rơi vãi, rổ khăn lau tay.
- Đồ dùng ngủ: Phấn, chiếu, gối, chăn...
- Chơi buổi chiều: Làm quen với vở toán, bóng các màu,...
- Đón trẻ, trả trẻ: Trò chuyện với trẻ về chủ đề bé và những sở thích của bé, con tên là gì, thích chơi đồ chơi gì, trong lớp có những bạn nào, trong lớp có những đồ chơi gì, có màu gì...

III. Mở chủ đề 1: Bé và các bạn

Cô cho trẻ xem hình ảnh, trẻ đến trường. Cô xúm xít trẻ và trò chuyện, đàm thoại với trẻ về tên của trẻ.

- + Con tên là gì?
- + Con là bạn trai hay bạn gái?
- + Đến trường có những ai? ...
- + Trong lớp con có những bạn nào?
- + Bạn của con tên là gì?
- + Bạn con là bạn trai hay bạn gái?
- + Con thích đồ chơi gì?

- + Con thích bạn nào trong lớp?
 - + Cơ thể chúng mình có những bộ phận gì?
 - + Chân dùng để làm gì?
 - + Tay dùng để làm gì?
 - + Để giữ cho đôi chân, tay luôn sạch chúng mình phải làm gì?
- Cô đưa ra những câu hỏi kích thích trẻ biểu lộ suy nghĩ cảm xúc...
- => Các con ạ! Mỗi chúng ta đều đến trường để được chơi, học hát, đọc thơ... Vậy để hát được các bài hát, đọc được các bài thơ, câu truyện và hiểu thêm về bản thân, các bạn trong lớp". Cô và chúng mình cùng tìm hiểu về chủ đề "Bé và các bạn".

GIÁO VIÊN

TỔ TRƯỞNG

Nhà trường ký duyệt

Trần Thị Tâm